

Nguyễn Gia Thiều (Tân Dậu 1741-Kỉ Dậu 1789)

Nguyễn gia Thiều (Tân Dậu 1741-Kỉ Dậu 1789)

Danh sĩ đời Lê Hiến tông, hiệu Tân Trai, Hi Tôn Tử, Như Ý Thiên, Siêu Chân, Tân Thị Viện Tử, Sơn Thủy Nhân Hoa, cháu Siêu Quận Công Nguyễn Gia Châu, con Đạt Võ Hầu Nguyễn Gia Ngô (nhiều sách ghi là Nguyễn Gia Cư) và Quận chúa Quỳnh Liên Trịnh Thị Ngọc Tuân (con chúa Trịnh Cương). Sinh ngày 6-2 Tân Dậu (nhằm ngày 22-3-1741). Quê ở xã Liễu Ngạn, huyện Siêu Loại, xứ Kinh Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh).

Ông nổi tiếng cả về văn, triết, sử, mà cũng thông hiểu âm nhạc, hội họa, kiến trúc. Về nhạc ông có các bản:

- Sơn trung âm

- Sở từ điệu.

/

Về hội họa, ông có bức tranh hoành tráng:

Về kiến trúc ông được chúa Trịnh giao cho việc trang hoàng phủ chúa và điều khiển xây tháp chùa Thiên Tích.

Trên đường công danh, từ 18 tuổi (Kỉ Mão 1759) ông làm Hiệu úy, Quân trung mã tả đội, năm 22 tuổi, thăng Chỉ huy Thiêm sự, đến 26 tuổi thăng Chỉ huy Đồng tri, rồi 30 tuổi làm Tổng binh, được phong tước Ôn Như Hầu nhưng ông chán trường công danh trước cảnh loạn li thường diễn ra ở thời đó.

Năm 29 tuổi ông làm Đô chỉ huy sứ, sau đó có lệnh điều động đi trấn thủ Hưng Hóa. Cho đến khi nghĩa quân Tây Sơn dấy lên, đánh đổ vua Lê, chúa Trịnh, ông bỏ trốn lên Sơn Tây, tạm trú nơi nhà con rể là Nguyễn Điều (anh ruột Nguyễn Du), rồi lánh thân ở vùng núi Hưng Hóa.

Khi vua Quang Trung lên ngôi, có cho người trung triệu ông. Bất đắc dĩ ông phải về Kinh, nhưng không chịu làm việc, suốt ngày say rượu, giả cuồng.

Đối với họ Trịnh, ông gọi chúa Trịnh Doanh là cậu ruột, và là con cô con cậu với chúa Trịnh Sâm. Vợ ông là con gái trưởng của quan Chương phủ sự, Đại tư đồ Bùi Thế Đạt. Gia đình quyền quý, thân thế vẫn được trọng vọng.

Ngày 9-5 Mậu Ngọ, nhằm 26-6-1789 ông mất hưởng dương 57 tuổi. Thơ văn ông chỉ còn vài bài chữ Nôm: Cung oán ngâm khúc, Tứ trai thi tập (Tân trai

Nguyễn Gia Thiều, Kì Trai Nguyễn Gia Cơ, Hòa Trai Nguyễn Gia Diễm và Thanh Trai Nguyễn Gia Chu), Tiên hậu thi tập, Tây Hồ thi tập,...

Nguyễn Hàm Ninh (Mậu Thìn 1808-Đinh Mão 1867)

Nguyễn Hàm Ninh (Mậu Thìn 1808-Đinh Mão 1867)

Danh sĩ triều Nguyễn, tự là Thuần Chi, hiệu Tĩnh Trai, Anh Toàn tử, quê làng Phù Ninh; sau dời sang làng Trung Ái (sau đổi thành Trung Thuần) phủ Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Năm Kỉ Sửu, ông đỗ Tú tài, đến năm Tân Mão (1831) đỗ Giải nguyên tại Thừa Thiên lúc mới 23 tuổi liền được bổ dạy học tại Quốc tử giám. Năm Quý Tị 1833 làm tri huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang gặp lúc thân phụ qua đời, ông về cư tang, đến năm Bính Thân 1836 được vời ra giữ chức Quốc học độc thư, ít lâu sau bị kẻ xấu gièm pha ông bỏ việc về quê.

Đến năm Tân Sửu 1841, ông lại được vời ra giữ chức Hành tẩu ở Nội các. Về sau làm Lang trung bộ Lại, rồi bộ Lễ, dần thăng đến án sát tỉnh Khánh Hòa, nhưng một thời gian ngắn bị cắt chức phát vãng sung quân ở Đà Nẵng, chỉ trong vài ngày được đổi về Huế làm Trai đàn hiệu lực tại chùa Thiên Mụ.

Đinh Mão 1867, ông qua đời nhằm ngày 15-12 Âm lịch thọ 59 tuổi.

Các tác phẩm chính của ông:

- Tĩnh Trai thi tập

- Dục sư ngẫu đề

- Phản thúc ước

Ngoài ra, ông còn có nhiều thơ xướng họa với các nữ sĩ, công chúa Tam Khanh (Mai Am, Huệ Phố, Qui Đức) ở Huế.

Thơ Nguyễn Hàm Ninh rất giàu thi tính, dầu cho thơ tả tình, vịnh vật ngôn chí... đều có một chủ đề nhất quán. Thí như trên đường sung quân hiệu lực, ông vẫn không bao giờ quên hận vong quốc đang canh cánh bên lòng dù cho cá nhân mình bị khủng bố như bài Cảm sự.